

# HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT Ở THÁI LAN TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

ĐẶNG VĂN CHƯƠNG  
TRẦN QUỐC NAM

Cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập của nhân dân tộc ta trong thế kỷ XX có sự đóng góp tích cực của người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là của cộng đồng người Việt ở Thái Lan. Có thể nói hoạt động yêu nước của đồng bào kiều bào và cán bộ cách mạng (Việt Nam) ở Thái Lan trong nửa đầu thế kỷ XX đã trở thành một bộ phận khăng khít, gắn bó mật thiết với phong trào cách mạng trong nước, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của dân tộc.

Những hoạt động yêu nước của cộng đồng người Việt ở Thái Lan trong nửa đầu thế kỷ XX có thể chia ra hai giai đoạn.

## I. TỪ VIỆC XÂY DỰNG CƠ SỞ CÁCH MẠNG ĐẦU TIÊN CỦA PHAN BỘI CHÂU (1910) ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC (1928-1929) Ở THÁI LAN

Sau phong trào Cần Vương, chống Pháp do giới văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo bị thất bại vào cuối thế kỷ XIX cũng như sự đàn áp dã man của thực dân Pháp đối phong trào cách mạng của dân

tộc ta đầu thế kỷ XX, nhiều sĩ phu yêu nước và các nhà hoạt động cách mạng phải đi ra nước ngoài, tìm chỗ dừng chân, tìm địa bàn, xây dựng cơ sở cách mạng nhằm đánh đuổi ngoại xâm, giành lại độc lập cho dân tộc. Trong số đó, nhiều người đã chạy sang Thái Lan, kể cả Phan Đình Phùng [5, 25] nơi có hàng vạn người Việt Nam đã định cư từ các thế kỷ trước và hơn nữa Thái Lan là nước đang có chế độ chính trị tương đối độc lập và có những bất đồng, xung đột quyền lợi với thực dân Pháp ở Đông Dương lúc bấy giờ.

Sau phong trào Đông Du tan rã (10-1908) đến cuối năm 1910, Phan Bội Châu tiếp tục lãnh đạo Duy Tân hội tìm mọi cách để gây dựng lại phong trào ở Hương Cảng, sau đó là Quảng Đông (Trung Quốc). Nhưng tình hình chính trị ở Trung Quốc lúc bấy giờ không thuận lợi cho hoạt động của Hội, vì sự đối lập giữa triều đình nhà Thanh với các tổ chức cách mạng, cụ Phan cảm thấy không an toàn. Vì vậy, vào “tháng 9 năm 1910, Phan Bội Châu đến Xiêm” [6, tr 304] mà ở đó cụ Phan xem như là căn cứ thuận lợi cho hoạt động cứu nước của Hội.

Phan Bội Châu chuyển đại bộ phận những người ở Trung Quốc về xây dựng “căn cứ địa” ở Bản Thâm (nằm về phía Bắc của Băng Cốc, cách Băng Cốc 4-5 ngày đường). “Tại đây khoảng 50 thanh niên có sức khỏe, biết cày cấy được tổ chức thành một trại cày cùng nhau sinh hoạt, học tập sản xuất đồng thời cũng luyện tập võ nghệ như một trại quân, chuẩn bị cho kế hoạch phục quốc sau này” [1, tr 146].

Trước khi cụ Phan đến Thái Lan thì những yếu nhân trong tổ chức Duy Tân hội như Đặng Thúc Hứa \*, Đặng Tử Kính, Hồ Vĩnh Long... là những người đã xây dựng cơ sở yêu nước đầu tiên ở đây. Họ đã chọn Paknampho (trung bộ Thái Lan, nằm phía bắc của Ayuthia và phía nam của Phichit) [5, tr 19] để xây dựng thành một cơ sở cách mạng quan trọng cho Hội. Một mặt, họ đã cùng nhau sản xuất để tồn tại, tích lũy tiền bạc để mua sắm vũ khí cũng như cung cấp kinh phí đi lại cho cán bộ từ trong nước sang Thái Lan và ngược lại và, họ còn gửi tiền về nước để đóng góp vào quỹ hội. Mặt khác, họ cũng thấy rõ, sự nghiệp cứu nước là một quá trình lâu dài, gian khổ phải từ thế hệ này sang thế hệ khác nên phải đào tạo một lớp cán bộ tương lai cho cách mạng nước nhà. Không những thế, họ còn lo lắng làm sao để cho con em người Việt (ở đây) không bị “Thái hoá”. Vì thế “các ông đã mở các trường học, vận động bà con người Việt cho con đến học và tiếp nhận các em gửi từ trong nước sang” [3, tr 31]. (Chủ trương này của các ông sau này còn được Tổng hội Việt kiều ở Thái Lan áp dụng trong những năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ).

Sau một thời gian hoạt động ở Xiêm, Phan Bội Châu trở lại Trung Quốc và thành lập Việt Nam Quang phục hội vào

tháng 5 năm 1912 (thay cho Duy Tân hội) do Cường Để làm Hội trưởng và Phan Bội Châu làm Hội phó kiêm tổng lý, cơ quan đặt ở Quảng Châu. Mục đích của Hội là “khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc”. Phan Bội Châu đã có nhiều cố gắng trong việc liên hệ với Nhật Bản và Trung Quốc để đánh Pháp nhưng không thành, cuối cùng Phan Bội Châu đã bị lực lượng của Viên Thế Khải bắt giam ở Quảng Đông (12-1913 đến 3-1917). (Trong thời gian này cụ Phan viết Ngục trung thư). Như vậy, Việt Nam Quang phục hội vừa mới ra đời đã thiếu vắng người lãnh đạo.

Tuy nhiên các hội viên ở Trung Quốc và Thái Lan trong thời gian đó không ngừng hoạt động, nhất là trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914-1918), vì họ cho rằng nước Pháp bị vướng bận vào chiến trường ở châu Âu. Một số hội viên của Quang phục hội từng học ở trường quân sự và trường sỹ quan ở Trung Quốc bí mật trở về nước phối hợp với các thế lực vũ trang miền núi với “hội đảng” của người Trung Quốc nhiều lần tấn công vào các đồn bốt của thực dân Pháp ở vùng biên giới. Trong nước nhiều cuộc bạo động vũ trang do những người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp của Việt Nam Quang phục hội tham gia nhưng tất cả các cuộc bạo động ấy đều bị thất bại, nhiều hội viên Quang phục hội bị bắt và tù đầy [6, tr 311].

Đến năm 1917, vì việc cướp đồn Hin-bun (một huyện ở tả ngạn sông Mê Công thuộc đất Lào) bị thất bại, việc chuyển vũ khí từ Thái Lan về Nam Bộ bị bại lộ. Những việc này xảy ra đồng thời với việc thực dân Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa của Lương Ngọc Quyến ở Thái Nguyên.

Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1918) mang lại thắng lợi cho Pháp và các đồng minh tham chiến như Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan. Điều đó càng làm cho chính phủ Nhật và Thái trở thành những nước hữu hảo với Pháp. Trước hoàn cảnh đó, nhiều người Việt Nam ở Thái Lan bị phân hóa, một số muốn yên thân làm ăn, một số khác phải lánh nạn chờ thời cơ.

Như vậy, việc xây dựng cơ sở yêu nước đầu tiên trên đất Thái Lan của Duy Tân hội và sau đó là Việt Nam Quang phục hội của cụ Phan đã tập hợp, đoàn kết những người Việt Nam sinh sống trên đất Thái, liên hệ với phong trào cách mạng trong nước và đặt quan hệ với nước ngoài, mở đường cho các hoạt động yêu nước và các tổ chức cách mạng về sau.

Đến tháng 6 năm 1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Trung Quốc. Năm sau (1926), Nguyễn Ái Quốc đã cử người đến hoạt động ở Thái Lan vì yếu tố địa - chính trị của Thái Lan rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam cũng như vai trò của cộng đồng người Việt ở đây đối với sự nghiệp cứu nước của dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã cử Hồ Tùng Mậu về Bản Đông (ở Phi chit) liên hệ với các nhà yêu nước đang hoạt động cách mạng ở đây, chuẩn bị cho việc thành lập chi bộ Việt Nam cách mạng Thanh niên. Năm 1926, chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đầu tiên được thành lập tại Phichit (trung bộ Thái Lan), ông Võ Tùng được cử làm bí thư. Chi bộ Phi chit trở thành trung tâm để vận động kiều bào tham gia các hoạt động yêu nước, đồng thời làm nơi thí điểm về tổ chức các hoạt động quần chúng như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, hợp tác

xã...trong kiều bào. Ngoài ra, chi bộ Phi chit còn có nhiệm vụ bắt mối với trong nước theo sự uỷ nhiệm của Tổng bộ, chủ yếu đối với Việt kiều ở Lào và các tỉnh miền Bắc Trung kỳ, như Thanh Hóa-Nghệ An- Hà Tĩnh, Quảng Bình- Quảng Trị- Thừa Thiên.

Các tổ chức quần chúng của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên như: Hội Hợp tác, Hội Việt kiều Thân ái cũng được thành lập tại các địa phương có Việt kiều sinh sống trên đất Thái. Hội Hợp tác là tổ chức gồm những thanh niên đã sống trên đất Thái và những thanh niên ở trong nước mới sang, có tinh thần yêu nước, có chí hướng cách mạng. Sinh hoạt, lao động tập thể, 5 - 6 người làm một tổ sản xuất. Thu nhập của tổ dùng vào chi phí sinh hoạt tối thiểu cho hội viên, đóng hội phí, còn lại nộp vào quỹ tập thể của Hội để chi vào công việc chung. Hội Việt kiều Thân ái là tổ chức rộng rãi có tính chất mặt trận của của cộng đồng người Việt tại Thái Lan. Hội viên gồm hai loại: hội viên chính thức và hội viên dự bị. Hội viên chính thức là những Việt kiều ở tập trung, có sinh hoạt định kỳ, đóng hội phí. Hội viên dự bị là những Việt kiều ở rải rác tại các địa phương, giác ngộ tinh thần yêu nước. Tùy theo khả năng ủng hộ về tinh thần và vật chất cho hội.

Năm 1927, tờ báo "Đồng Thanh" ra đời do Đặng Cảnh Tân phụ trách in ấn ngay tại Bản Đông để tuyên truyền lòng yêu nước, ý chí cách mạng và phương thức cứu nước cho Việt kiều. Nhiều tài liệu của Tổng bộ Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc gửi về đây để tuyên truyền, học tập, giúp nâng cao trình độ lý luận và tinh thần yêu nước của cán bộ và quần chúng. Hội Việt Nam cách mạng thanh

niên ở Thái Lan còn là cầu nối giữa cơ quan lãnh đạo cách mạng ở nước ngoài (Trung Quốc) với các tổ chức cách mạng ở trong nước, đồng thời là nơi trú chân của cán bộ trong nước ra nước ngoài học tập, công tác và ngược lại.

Do ảnh hưởng, tác động của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội và uy tín của Nguyễn Ái Quốc, cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan đã được tập hợp và đoàn kết thành một khối vững chắc. “Bắt đầu mới có 5 - 7 người sau đó đã có gần 300 - 400 hội viên Thanh niên cách mạng đồng chí Hội làm trụ cột, với trên 400 - 500 hội viên Hội Hợp tác làm trung kiên, và tập hợp xung quanh họ 5.000 - 6.000 hội viên và quần chúng cảm tình vào Hội Thân ái” [7, tr 32].

Với tổ chức ấy, họ đã làm nên nhiều việc có lợi cho cách mạng Việt Nam. Không những họ đã thiết lập mối liên hệ cách mạng trong nước với ngoài nước, mà hoạt động của họ còn làm cho đồng bào trong nước thêm vững tin vào thành công của cách mạng. Hơn nữa, họ đã đào tạo ra được một số cán bộ có tinh thần tận tụy hy sinh, được quần chúng tín nhiệm, cung cấp cho phong trào cách mạng sau này.

Trong những năm 1928-1929, Thái Lan còn là điểm dừng chân của Nguyễn Ái Quốc trên con đường trở về Tổ quốc sau mấy mươi năm xa cách. Thái Lan lúc bấy giờ trở thành địa bàn hoạt động quan trọng của Nguyễn Ái Quốc nhằm truyền bá lý luận cách mạng về nước.

Chỉ trong một thời gian ngắn Nguyễn Ái Quốc (với tên gọi Thầu Chín) đã nhanh chóng hoà nhập cuộc sống với bà con ở Bản Đông. Ban ngày Nguyễn Ái Quốc cùng tham gia sản xuất với anh em, tối đến tập hợp mọi người lại học tập chính

trị. Thời gian ở Thái Lan, Nguyễn Ái Quốc cũng dành nhiều thời gian dịch sách làm tài liệu tuyên truyền cho Hội Việt Nam cách mạng thanh niên như cuốn “Nhân loại tiến hoá sử”, “Cộng sản A.B.C...”. Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp học chính trị cho cán bộ hoạt động tại Thái Lan lúc bấy giờ. Bài giảng chính trị của Nguyễn Ái Quốc bao giờ cũng kết hợp phổ biến lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin với việc giới thiệu phương hướng cơ bản của cách mạng Việt Nam, vạch ra con đường đi tới độc lập, tự do cho dân tộc.

Mặc dù ở Thái Lan không lâu nhưng Nguyễn Ái Quốc đã gây ảnh hưởng sâu sắc và có tác dụng giáo dục to lớn cho kiều bào và cán bộ ở đây. Nhận thức về chính trị và ý thức cứu nước của cán bộ và bà con Việt kiều được củng cố và nâng lên. Nhờ vậy, phong trào cách mạng đã bám rễ sâu sắc hơn trong cộng đồng người Việt. Kiều bào luôn giữ vững lòng yêu nước và liên tục chiến đấu trong mọi hoàn cảnh khó khăn.

## II. TỪ SAU XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH (1930-1931) ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

Sau cao trào Xô viết Nghệ-Tĩnh, phong trào cách mạng Việt Nam bị chìm trong bể máu, nhiều cán bộ, đảng viên phải tạm lánh sang Thái Lan. Mặc dù bị thực dân Pháp bố trí mật thám dày đặc dọc hai bên bờ sông Mê Công nhằm ngăn chặn, bắt bớ những cán bộ và nhân dân chủ yếu ở hai tỉnh Nghệ An-Hà Tĩnh chạy sang Thái Lan sau 1930-1931, nhưng cộng đồng người Việt Nam ở đây vẫn bí mật cố gắng vượt qua mọi khó khăn để tiếp đón, che chở, bảo vệ và giúp đỡ họ.

Theo chỉ thị của cấp trên, “Đông Dương viện trợ bộ” được thành lập để bảo vệ, che chở đồng bào vừa mới chạy sang; mỗi gia đình nuôi một vài người. Trong thời gian tạm lánh, họ cùng trao đổi với cán bộ, kiều bào về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước. Sau đó, nhiều người đã bí mật quay trở lại Việt Nam, trong số đó có một số Việt kiều cũng tình nguyện trở lại quê hương, đất nước.

Trong khoảng thời gian từ sau cuộc cách mạng dân chủ năm 1932 (nổ ra ở Thái) đến năm 1940, khi chính phủ thân Nhật lên cầm quyền ở Thái Lan, hoạt động yêu nước của Việt kiều ở Thái Lan gặp nhiều khó khăn vì chính phủ Thái Lan “kết thân” với thực dân Pháp trong các vấn đề về Đông Dương.

Tuy nhiên, khi chính phủ thân Nhật lên cầm quyền ở Thái Lan, một bộ phận tiến bộ trong Đảng Seri Thai (Thái tự do) đã phát động nhân dân Thái Lan đứng lên chống phát xít Nhật, xây dựng khu du kích trên dãy núi Phu-phan thuộc tỉnh Sakon-Nakhon. Trước tình hình đó, Tổng hội Việt kiều cử người đến gặp lãnh đạo Đảng Seri Thai đề nghị họ giúp đỡ để thành lập chiến khu của Việt kiều, chuẩn bị lực lượng cho cuộc đấu tranh vũ trang, đánh đuổi phát xít Nhật và thực dân Pháp giành chính quyền ở Đông Dương. Đề nghị đó được các lãnh đạo Đảng Seri Thai tán thành và nhân dân địa phương ủng hộ, tận tình giúp đỡ.

Nhờ vậy, tổng hội Việt kiều Lào-Thái đã tập hợp những thanh niên ưu tú thành lập lực lượng vũ trang của Việt kiều lấy tên là “Việt Nam độc lập quân” tại chiến khu Sakon-Nakhon, ngày 28 tháng 3 năm 1945 (chỉ sau 3 tháng khi đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời ở Cao

Bằng). Chiến khu Nakon-Nakhon được thành lập tại bản Tà Ngòi, gần chân núi Phu-phan, cách thị xã Sakon-Nakhon 20 km, cách biên giới Lào-Thái 100 km. Khi chiến khu mới thành lập được đặt dưới sự lãnh đạo của Vũ Hữu Bình và có khoảng 20-30 thanh niên có nhiệm vụ sản xuất vũ khí [5, tr 128]. Sau 1 tháng, chiến khu có “hơn 140 nam nữ thanh niên tham gia, đặc biệt có 12 chiến sỹ nữ”[3, tr 100].

Từ năm 1945, ở Thái Lan đã hình thành một ban cán sự làm nhiệm vụ tổ chức Việt kiều xây dựng lực lượng đưa về Nam Bộ, sang Lào và Campuchia tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời nhưng chưa được các nước khác công nhận, Việt Nam bị cô lập với bên ngoài thì tại Băng Cốc, một cơ quan đại diện của Chính phủ Việt Nam đã được thành lập (8-1946), gọi là Phái viên quán, trụ sở ở 222 đường Sathôn Núa. Từ ngày 14-4-1947, cơ quan này chính thức đi vào hoạt động do Nguyễn Đức Quý phụ trách. Đồng thời một phòng Thông tin Việt Nam (Việt Nam Thông tấn xã) cũng được thành lập do Lê Hy đứng đầu. Trung ương và chính phủ cử Trần Văn Giàu,\*\* đồng chí Dương Quang Đông (từ Nam Bộ sang Băng Cốc) thành lập Ban sưu tầm vũ khí cùng với Tổng uỷ Việt kiều cứu quốc, do Ban cán sự Đảng bộ Việt kiều lãnh đạo [3, 139].

Thủ đô Băng Cốc thời kỳ này trở thành địa bàn lý tưởng cho các hoạt động đối ngoại và tuyên truyền quốc tế của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Thông qua Phòng thông tin Việt Nam mà Liên Xô và Việt Nam đã liên lạc được với nhau. Một nhà ngoại giao Liên Xô làm việc trong phái đoàn đặc biệt của Liên Xô tại Băng

Cốc lúc đó đã viết: “Cơ quan thông tin của Việt Nam dân chủ Cộng hoà ở Băng Cốc là cơ quan đối ngoại duy nhất của nước Việt Nam dân chủ Cộng hoà nằm ở gần lãnh thổ Việt Nam, nó có thể giữ mối liên lạc các vùng giải phóng trong nước, nhận thông tin từ đó, rồi phổ biến ở Thái Lan để gửi sang Pháp nơi có nhiều người Việt Nam yêu nước sinh sống” [2, tr 209].

Trong giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam, ở Thái Lan, chính phủ dân tộc tiến bộ do ông Pridi cầm đầu. Chính phủ này ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, cho phép lập một số cơ sở huấn luyện quân sự và sản xuất, sửa chữa vũ khí để hỗ trợ cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Cũng trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ba nước Đông Dương, cộng đồng người Việt Nam ở Thái Lan còn làm nhiệm vụ đón tiếp bà con Việt kiều từ Lào tản cư sang Thái Lan sau sự kiện Thà khếch. Sau khi ký Hiệp ước sơ bộ (6-3-1946), thực dân Pháp tăng cường lực lượng trở lại tấn công, xâm lược Lào, trước mắt là ở Savannakhet. Với nhận định trên ta chủ trương cho cộng đồng người Việt Nam ở Lào, nhân dân Lào rút khỏi thị xã Savannakhet sang Mụcdahản (Thái Lan). Cộng đồng người Việt Nam tại Mụcdahản sẽ giúp đỡ cộng đồng người Việt Nam ở Lào và nhân dân Lào tản cư. Đêm 14-3-1946, hơn 10 ngàn dân trong thị xã được lực lượng giải phóng quân của cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan giúp đỡ, bảo vệ và hướng dẫn vượt sông Mê Công sang Mụcdahản một cách an toàn.

Để đáp ứng với nhiệm vụ mới của cách mạng và dân tộc, đến đầu 1945, các tổ chức Việt kiều hợp nhất thành Tổng hội

Việt kiều. Tổng hội Việt kiều đã thành lập nên các chiến khu dọc theo vùng rừng núi Đông Bắc Thái Lan và biên giới Thái Lan - Campuchia. Bộ đội Việt kiều giải phóng được triệu tập lại, thanh niên trong cộng đồng người Việt Nam khắp Thái Lan nô nức lên đường về tập trung tại các chiến khu. “Tất cả có 13 chiến khu với 2.000 cán bộ chiến sĩ, trung bình mỗi chiến khu có khoảng 70 đến 150 người. Lớn nhất là chiến khu Umke Noonghoi có đến 420 người” [3, tr 142].

Sau 6-7 tháng học tập (huấn luyện quân sự tại Thái Lan, cùng với thanh niên miền Bắc nô nức “Nam tiến”), từ tháng 8/1946 đến tháng 12/1946, bốn đơn vị bộ đội Việt kiều được thành lập: “Bộ đội Độc lập số I”, “Bộ đội Quang Trung”, “Chi đội Trần Phú” và “Tiểu đoàn Hải ngoại Cửu Long II” lạng lế, bí mật vượt qua đất nước Campuchia, Lào băng rừng vượt núi lần lượt lên đường về miền Nam chiến đấu theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc [3, tr 143].

Cũng trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bằng các đội quân được tăng cường từ đất Thái Lan, các đội quân đã trở về chiến trường Nam Bộ tham gia các trận đánh, góp phần chia lửa cho các chiến trường khác. Trong những trận chiến đấu đó đã có nhiều người con sinh ra ở đất nước Thái Lan nhưng đã ngã xuống trên quê hương Việt Nam.

Tính riêng trong “thời kỳ chống Pháp, Việt kiều Thái Lan đã đóng góp một vạn thanh niên tòng quân đánh giặc cứu nước. Về tiền của, chỉ tính từ năm 1946 đến Hiệp định Giơnevơ được ký kết (1954), trung bình mỗi năm kiều bào đóng góp 12 triệu đồng tiền Đông Dương” [3, tr 190].

### III. NHẬN XÉT

1. Hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở Thái Lan trong nửa đầu thế kỷ XX có một vị trí đặc biệt trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc, đã mang lại những đóng góp cụ thể, thiết thực cho cách mạng Việt Nam. Cùng với cuộc đấu tranh của nhân dân trong nước, cộng đồng người Việt ở Thái Lan đã liên tục có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng nước nhà. Nếu như trước 1930, đóng góp lớn nhất của những hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở Thái Lan là xây dựng cơ sở cách mạng, tiếp nhận, đào tạo cán bộ góp phần vào việc thúc đẩy quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam thì sau 1945, hoạt động của người Việt ở đây đã chuyển vũ khí về nước, chi viện nhân lực cho quân đội và đóng góp của cải cho Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời

2. Trong khoảng thời gian từ năm 1946 đến 1951, Thái Lan gần như là con đường ra duy nhất của chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa trong quan hệ với các nước khác trên thế giới, nối liền cách mạng Việt Nam với bạn bè quốc tế trong những năm đầu vô cùng gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong hai năm 1946, 1947 quan hệ giữa chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam – Thái Lan có nhiều biểu hiện tích cực, thắm tình hữu nghị và giúp đỡ lẫn nhau.

3. Trong tiến trình của lịch sử dân tộc ta, đặc biệt là trong thời kỳ cận - hiện đại, địa bàn Thái Lan đã chứng tỏ có vị trí hết sức quan trọng đối với quá trình giao lưu của nước ta với thế giới bên ngoài. Vì vậy quan tâm phát triển mối quan hệ Việt-Thái cũng như phát huy vai trò tích cực, yêu nước của cộng đồng người Việt ở Thái Lan hiện nay

(khoảng hơn 100.000 người) là một việc làm có ý nghĩa thiết thực cho công cuộc xây dựng kinh tế, hội nhập khu vực và quốc tế của chúng ta trong thời đại ngày nay./.

---

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Xuân Lâm (CB)(2003), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, T2, NXB GD, Hà Nội.
2. Phan Ngọc Liên(CB)(1994), *Hồ Chí Minh-Những hoạt động quốc tế*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
3. Trần Đình Lưu(2004), *Việt kiều Lào-Thái với quê hương*, NXB CTQG, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả(1975), *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
5. Cristopher E. Goscha(1999), *Thailand and the Southeast Asia Networks of the Vietnamese Revolution, 1885-1954*, Cuzon Press
6. Shiraishi Masaya (2000), *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á – Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng và thế giới*, T2, NXB CTQG, Hà Nội.
7. Lê Mạnh Trinh(1972), *Hoạt động của Việt kiều ở Thái Lan*, Tài liệu lưu trữ Viện Hồ Chí Minh.

---

### CHÚ THÍCH

\* Dặng Thúc Hứa là người đã từng đến Nhật Bản, Hồng Công, Xingapo và miền nam Trung Quốc để liên hệ và tìm kiếm cơ hội cứu nước. Năm 1909, ông đã bị bại lộ trong việc bí mật vận chuyển vũ khí từ Nhật Bản về Hồng Công nên cuối cùng ông quyết định chọn Xiêm làm căn cứ hoạt động cách mạng để cứu nước [5, tr 14] và [6, tr 446]

\*\* Tháng 8 – 1945, lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ, là Chủ tịch Ủy ban hành chính lâm thời Nam Bộ, hiện nay đang sống tại TP. Hồ Chí Minh.